

HẠN CHẾ PHÂN CHIA DI SẢN THỪA KẾ TRONG BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015 - MỘT SỐ BẤT CẬP VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

NGUYỄN NHẬT HUY*

Ngày nhận bài: 07/09/2019

Ngày phản biện: 19/09/2019

Ngày đăng bài: 01/10/2019

Tóm tắt:

Bài viết nêu một số vấn đề xoay quanh quy định của pháp luật về hạn chế phân chia di sản như: Nhận dạng phân chia di sản, hạn chế phân chia di sản thừa kế, một vài bất cập, hạn chế, đồng thời đề xuất sửa đổi quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về hạn chế phân chia di sản thừa kế.

Từ khóa:

Bộ luật Dân sự năm 2015, hạn chế phân chia, di sản thừa kế.

Abstract:

The article studies some issues relating to the law on limited distribution such as: Identifying distribution of estates, limiting distribution of inheritance, pointing out some remarkable limitations and deficiencies of existing provisions and providing value proposals for Civil Code 2015 on limited distribution of estates.

Key words:

Civil Code 2015, limited distribution; distribute of estate.

1. Nhận dạng phân chia di sản và hạn chế phân chia di sản thừa kế

Phân chia di sản thừa kế là giai đoạn cuối cùng của quá trình thừa kế. Quá trình này phản ánh nhiều hoạt động nhằm xác lập quyền sở hữu của một chủ thể nào đó đối với di sản thừa kế, đồng thời làm chấm dứt tình trạng nhiều chủ thể có quyền hưởng đối với một hoặc nhiều di sản thừa kế.

Góp phần vào việc duy trì tính liên tục của việc sở hữu tài sản và hướng tới bảo đảm quyền, lợi ích của các chủ thể trong quan hệ thừa kế. Phân chia di sản thừa kế là một trong các bước cụ thể của cơ chế thực thi quyền thừa kế. Do đó, đặc trưng cơ bản của phân chia di sản thừa kế chính là hiện thực hóa quá trình dịch chuyển tài sản của người chết sang cho người còn sống. Việc dịch chuyển này có thể dựa trên ý chí của người để lại di sản thông qua di chúc hoặc ý chí của Nhà nước thông qua quy định của pháp luật. Cho nên, Bộ luật Dân sự (sau đây được viết tắt là BLDS) năm 2015 cũng như các văn bản pháp luật về thừa kế trước đó đều ghi nhận quy định vấn đề phân chia di sản thừa kế theo di chúc và theo pháp luật. Theo đó, để hiện thực hóa quá trình dịch chuyển quyền sở hữu tài sản là di sản thừa kế, pháp luật đã đặt ra các trường hợp có thể phát sinh và hậu quả pháp lý trong quá trình phân chia di

* ThS., Đại học Luật Hà Nội; Email: nhathuyjapan@gmail.com

sản. Ví dụ: Trường hợp chia bằng hiện vật, tỷ lệ hay trường hợp xuất hiện thai nhi, người thừa kế mới¹...

Xuất hiện với vai trò và ý nghĩa như vậy nhưng việc phân chia di sản thừa kế có thể bị gián đoạn trong một khoảng thời gian nhất định bởi nhiều lý do khác nhau. Trường hợp này, luật định gọi là hạn chế phân chia di sản thừa kế. Đây cũng là quy định được ghi nhận mang ý nghĩa thực tế bởi nó gắn liền với thói quen trong văn hóa, truyền thống, phong tục của người Việt Nam là trọng tình cảm xen lẫn yếu tố tâm linh tín ngưỡng. Thường lệ, một người vừa “*nằm xuống*”, con, cháu sẽ chưa đề cập ngay tới việc phân chia di sản hoặc có đề cập nhưng chỉ là sự thỏa thuận thống nhất sau một khoảng thời gian nhất định mới phân chia di sản thừa kế của người này. Mong muốn của người thừa kế là để cho người chết được ra đi thanh thản và làng, xã không “*dị nghị*” về tình cảm, sự đoàn kết, tôn ti, trật tự của một gia đình, dòng họ.

Quy định về hạn chế phân chia di sản được các nhà soạn luật đề cập ở Bộ luật Dân sự năm 1995. BLDS năm 2015 đã có những sửa đổi, bổ sung nhất định so với BLDS năm 1995 và 2005, cụ thể, Điều 661 quy định:

“Trường hợp theo ý chí của người lập di chúc hoặc theo thỏa thuận của tất cả những người thừa kế, di sản chỉ được phân chia sau một thời hạn nhất định thì chỉ khi đã hết thời hạn đó di sản mới được đem chia².”

Trường hợp yêu cầu chia di sản thừa kế mà việc chia di sản ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của bên vợ hoặc chồng còn sống và gia đình thì bên còn sống có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần di sản mà những người thừa kế được hưởng nhưng chưa cho chia di sản trong một thời hạn nhất định. Thời hạn này không quá 03 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế. Hết thời hạn 03 năm mà bên còn sống chứng minh được việc chia di sản vẫn ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của gia đình họ thì có quyền yêu cầu Tòa án gia hạn một lần nhưng không quá 03 năm”.

Theo quy định này, vấn đề hạn chế phân chia di sản được xác định dựa trên ba cơ sở: Một là, theo ý chí của người lập di chúc. Tức là, người lập di chúc thể hiện rõ trong di chúc về khoảng thời gian giới hạn việc phân chia di sản kể từ thời điểm họ chết. Ví dụ: A chết lập di chúc và kèm theo nội dung “*di sản sẽ chỉ được phân chia sau 5 năm, kể từ ngày A chết*”. Hai là, sự thỏa thuận của tất cả những người thừa kế. Đây là trường hợp, di chúc không đề cập tới hoặc không có di chúc, những người thừa kế định ra sau khi họ và thống nhất giới hạn thời gian phân chia di sản thừa kế. Ví dụ: A chết có vợ là B, các con là C, D là người thừa kế. Sau khi A chết, B, C, D có thỏa thuận thống nhất thời điểm phân chia di sản thừa kế là 10 năm kể từ thời điểm mở thừa kế. Ba là, quyết định của Tòa án dựa theo yêu cầu của người thừa kế khi chứng minh được việc phân chia di sản có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới đời sống của họ. Ví dụ: Hai vợ, chồng sở hữu chung căn nhà duy nhất diện tích 40m² để ở. Sau khi sinh con

¹ Xem: Điều 659, 660 BLDS năm 2015.

² Xem: Điều 689 BLDS năm 1995, đoạn 1 Điều 686 BLDS năm 2005 và đoạn 1 Điều 661 BLDS năm 2015.

được một thời gian, người chồng chết vì tai nạn giao thông. Gia đình chồng yêu cầu chia di sản thừa kế của người chồng. Lúc này, người vợ có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần di sản thừa kế mỗi người được hưởng nhưng chưa cho chia sau một thời gian để người vợ và đứa con có thể đảm bảo ổn định cuộc sống.

Với quy định trên của BLDS, *hạn chế phân chia di sản thừa kế sẽ được hiểu là sự không cho phép phân chia di sản thừa kế của người chết sau một khoảng thời gian nhất định, kể từ thời điểm mở thừa kế*. Việc hạn chế này dựa vào ý chí của người lập di chúc hoặc của những người thừa kế hoặc quyết định của Tòa án.

2. Một số bất cập trong quy định hiện hành về hạn chế phân chia di sản thừa kế

Mặc dù, quy định về hạn chế phân chia di sản mang nhiều ý nghĩa thực tế và nhân văn nhưng qua thực tiễn thi hành BLDS năm 1995 và BLDS năm 2005, nay là BLDS năm 2015, một vài bất cập, hạn chế liên quan tới quy định này vẫn chưa được sửa đổi, bổ sung một cách toàn diện và sâu sắc. Tác giả xin chỉ ra cụ thể như sau:

Thứ nhất, pháp luật hiện hành không quy định giới hạn thời gian hạn chế phân chia sản thừa kế.

Đoạn 1 Điều 661 BLDS năm 2015 quy định: “*Trường hợp theo ý chí của người lập di chúc hoặc theo thỏa thuận của tất cả những người thừa kế, di sản chỉ được phân chia sau một thời hạn nhất định thì chỉ khi đã hết thời hạn đó di sản mới được đem chia*”. Đây là quy định chỉ dẫn áp dụng cho việc hạn chế phân chia di sản thừa kế. Các căn cứ được chỉ ra là: Ý chí của người lập di chúc và sự thỏa thuận của những người thừa kế. Tuy nhiên, điều bất cập trong quy định này chính là thuật ngữ “*thời hạn nhất định*”. Theo quy định trên, thời hạn nhất định được hiểu là một khoảng thời gian có định lượng nhưng hoàn toàn phụ thuộc vào ý chí của người lập di chúc hoặc của những người thừa kế định ra, khoảng thời gian này là bao lâu hoặc giới hạn trong bao lâu thì pháp luật lại không chỉ định rõ. Thực tế cho thấy, việc người lập di chúc định ra một khoảng thời gian “*ngẫu hứng*” hoặc kéo dài thời gian để hạn chế con, cháu thực hiện phân chia di sản với mong muốn con, cháu chủ động trong cuộc sống không phụ thuộc vào di sản cha, ông để lại sẽ rất nhiều. Thậm chí, khoảng thời gian này phụ thuộc vào sự kiện gắn với ai đó là trường hợp hoàn toàn có thể xảy ra. Ví dụ: Ông để lại di chúc cho con, cháu nhưng giới hạn thời gian phân chia di sản sau khi bà chết. Rõ ràng, khoảng thời gian này có thể vượt thời hiệu khởi kiện về thừa kế. Như vậy, quyền lợi của những người thừa kế có thể bị ảnh hưởng. Vì thực tế, sau khi hết khoảng thời gian bị giới hạn này, vấn đề tranh chấp thừa kế hoàn toàn có thể xảy ra. Người lập di chúc ấn định khoảng thời gian quá dài dẫn tới quyền, lợi ích của người thừa kế khác vô tình bị ảnh hưởng. Do đó, quy định này cần thiết phải được sửa đổi để đảm bảo tính tương thích với các quy phạm khác.

BLDS năm 2005 và 2015 đã xác định thời gian giới hạn phân chia di sản thừa kế ở đoạn kế tiếp của điều luật “... không quá 03 năm³ ...” và “... Thời hạn này không quá 03 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế. Hết thời hạn 03 năm ... thì có quyền yêu cầu Tòa án gia hạn

³ Xem: Đoạn 2 Điều 686 BLDS năm 2005.

một lần nhưng không quá 03 năm”⁴. Như vậy, thời gian giới hạn tối đa khi phân chia di sản thừa kế theo quy định của BLDS năm 2015 là 06 năm từ thời điểm mở thừa kế. Tuy vậy, nếu hiểu khoảng thời gian bị ấn định để phân chia di sản sau khi người để lại di sản chết là thời hạn nêu trên sẽ không hợp lý. Vì rõ ràng, đoạn 2 của điều luật hạn chế phân chia di sản được thiết kế chỉ dành riêng cho trường hợp việc phân chia di sản gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới đời sống của người còn lại và khi người này có yêu cầu, Tòa án sẽ áp dụng mốc thời hạn nêu trên để kéo dài quá trình phân chia di sản. Mục đích của quy định này nhằm để người sống cùng có thời gian để ổn định cuộc sống riêng, không phụ thuộc vào di sản thừa kế để lại chứ hoàn toàn không phải là quy định khoảng thời gian giới hạn cho người lập di chúc hay những người thừa kế có thể áp dụng trong việc phân chia di sản thừa kế sau thời điểm mở thừa kế.

Như vậy, có thể kết luận, pháp luật hiện hành đang không quy định giới hạn khoảng thời gian trong việc thực hiện hạn chế phân chia di sản. Điều này có thể dẫn tới bất cập, vì thực tế, chế định thừa kế luôn đặt ra thời hiệu khởi kiện về thừa kế. Khoảng thời hạn pháp luật ấn định này tạo ra quyền yêu cầu Nhà nước bảo vệ lợi ích chính đáng của người thừa kế. Nếu hết thời hạn này, người thừa kế không thực hiện quyền của mình sẽ làm phát sinh nhiều hậu quả pháp lý bất lợi. Ví dụ: BLDS năm 2015 quy định thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là 30 năm kể từ thời điểm mở thừa kế⁵ nhưng trong di chúc, người để lại di sản chỉ định sau 30 năm mới được phân chia di sản hoặc những người thừa kế thỏa thuận định ra là sau 30 năm mới phân chia di sản. Rõ ràng, ý chí của người lập di chúc hay thỏa thuận của các đồng thừa kế về thời gian giới hạn việc phân chia di sản nêu trên là không phù hợp. Tác giả cho rằng, chúng ta sẽ không cấm việc định ra khoảng thời hạn hạn chế việc phân chia di sản nhưng phải đặt ra giới hạn để đảm bảo sự tương thích với các quy định khác.

Thứ hai, pháp luật không xác định rõ phạm vi người có quyền lợi liên quan được thỏa thuận định ra thời hạn và được yêu cầu Tòa án xem xét kéo dài khoảng thời gian phân chia di sản thừa kế.

Tại Điều 661 BLDS năm 2015 quy định:

*“Trường hợp theo ý chí của người lập di chúc hoặc theo thỏa thuận của tất cả **những người thừa kế**, di sản chỉ được phân chia sau một thời hạn nhất định thì chỉ khi đã hết thời hạn đó di sản mới được đem chia.*

*Trường hợp yêu cầu chia di sản thừa kế mà việc chia di sản ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của bên vợ hoặc chồng còn sống và **gia đình** thì bên còn sống có quyền yêu cầu Tòa án xác định phân di sản mà những người thừa kế được hưởng nhưng chưa cho chia di sản trong một thời hạn nhất định. Thời hạn này không quá 03 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế. Hết thời hạn 03 năm mà bên còn sống chứng minh được việc chia di sản vẫn ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của gia đình họ thì có quyền yêu cầu Tòa án gia hạn một lần nhưng không quá 03 năm”.*

⁴ Xem: Đoạn 2 Điều 661 Bộ luật Dân sự năm 2015.

⁵ Xem: Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Với quy định này, người được thỏa thuận định ra khoảng thời gian hạn chế phân chia di sản phải là người thừa kế và người được yêu cầu Tòa án chưa chia di sản trong một khoảng thời hạn nhất định phải là vợ hoặc chồng còn sống và gia đình. Việc xác định các chủ thể có quyền lợi liên quan tới di sản thừa kế khi đề cập tới vấn đề hạn chế phân chia di sản là đúng song với quy định như hiện tại lại chưa thực sự rõ ràng. Cụ thể:

- Theo quy định tại đoạn đầu tiên Điều 661 BLDS năm 2015 “... *Trường hợp theo thỏa thuận của tất cả **những người thừa kế**, di sản chỉ được phân chia sau một thời hạn nhất định thì chỉ khi đã hết thời hạn đó di sản mới được đem chia*” cần phải hiểu đây là trường hợp có sự hợp bàn, thống nhất ý kiến của người thừa kế về việc phân chia di sản. Tuy nhiên, trong quy định này, người thừa kế không được xác định rõ là những ai? Điều này thực sự dễ dẫn tới bất cập trong hoạt động thực thi. Theo quy định tại Điều 613 BLDS năm 2015 thì: “*Người thừa kế là cá nhân phải là người còn sống vào thời điểm mở thừa kế hoặc sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai trước khi người để lại di sản chết. Trường hợp người thừa kế theo di chúc không là cá nhân thì phải tồn tại vào thời điểm mở thừa kế*”. Đồng thời, tại Chương XXII và Chương XXIII của BLDS năm 2015 quy định hai trình tự phân chia di sản thừa kế (theo di chúc và pháp luật) cho thấy, phạm vi người thừa kế của người chết có thể rất rộng, có thể bao gồm các chủ thể: Cá nhân, không phải cá nhân, người thừa kế theo di chúc hoặc theo hàng. Điều này cho thấy, một cuộc họp để thống nhất khoảng thời gian thực hiện phân chia di sản sau khi người để lại di sản chết khó có thể đảm bảo được sự có mặt của tất cả những người nêu trên. Trong khi đó, điều luật lại quy định sự thỏa thuận phải của tất cả những người thừa kế. Tác giả cho rằng, trường hợp có văn bản thỏa thuận của người thừa kế nhưng chỉ là những người có liên quan tới di sản và quá trình phân chia di sản như: Người thừa kế theo di chúc (nếu có di chúc), người thừa kế thuộc hàng ưu tiên chia cần thiết được coi là phù hợp. Do đó, quy định này nên sửa đổi để đảm bảo tính thực thi tốt hơn.

- Đoạn 2 Điều 661 quy định: “*Trường hợp yêu cầu chia di sản thừa kế mà việc chia di sản ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của bên vợ hoặc chồng còn sống và gia đình thì bên còn sống có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần di sản mà những người thừa kế được hưởng nhưng chưa cho chia di sản trong một thời hạn nhất định...*”. Quy định này xác định, nếu chia di sản thừa kế làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của bên vợ hoặc chồng còn sống như: Nhà của hai vợ chồng là nơi ở duy nhất; đất nông, lâm ngư nghiệp để canh tác, trồng rừng là nguồn thu nhập chính của gia đình thì họ có quyền yêu cầu Tòa án chưa chia thừa kế và xem xét định ra một khoảng thời gian giúp ổn định cuộc sống. Thoạt thấy, quy định trên xác định quyền yêu cầu hạn chế phân chia di sản sau một thời gian là dành cho người vợ hoặc chồng còn sống chứng minh việc chia di sản có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của họ. Nhưng không dừng lại ở chủ thể này, điều luật trên còn mở rộng phạm vi yêu cầu là gia đình. Tác giả cho rằng, việc phân chia di sản thừa kế của một người đã chết có thể ảnh hưởng tới nhiều chủ thể nên mở rộng phạm vi được quyền yêu cầu Tòa án xem xét hạn chế phân chia ở thời điểm mở thừa kế là quy định phù hợp. Tuy nhiên, gia đình ở đây cần phải hiểu là những ai lại không được xác định rõ. Thực tế cho

thấy, sự tồn tại của các mối quan hệ giữa những người cùng chung sống trong một gia đình ở Việt Nam rất đa dạng. Nó không dừng lại ở phạm vi cha, mẹ với các con mà có thể rất nhiều thế hệ thậm chí người sống cùng không phải là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất mà là hàng thứ hai, thứ ba hay đơn thuần là những người được người để lại di sản thừa kế cư mang, nuôi dưỡng và họ vẫn coi nhau như gia đình. Hiện tại, dưới góc độ pháp lý mới chỉ có khoản 2 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề cập rằng: *“Gia đình là tập hợp những người gắn bó với nhau do hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa họ với nhau theo quy định của Luật này”*. Như vậy, phạm vi gia đình là quá rộng để có thể đưa vào áp dụng cho quy định nêu trên. Cho nên, với quy định như hiện tại, sự nhầm lẫn, phức tạp trong việc xác định chủ thể có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế phân chia di sản có thể xảy ra và điều này sẽ làm ảnh hưởng tới quyền lợi của những người thừa kế. Quy định tại Điều 661 BLDS năm 2015 cần phải sửa đổi theo hướng xác định rõ hơn phạm vi chủ thể được quyền yêu cầu Tòa án quyết định thời hạn nhất định để phân chia di sản thừa kế.

3. Kiến nghị hoàn thiện quy định về hạn chế phân chia sản thừa kế

Nghiên cứu BLDS của một số quốc gia như: Pháp⁶, Nhật Bản⁷, Thái Lan⁸,... tác giả không thấy các quy định về vấn đề hạn chế phân chia di sản này. Thực chất, việc không ghi nhận nội dung này cũng không làm ảnh hưởng quá lớn tới quá trình dịch chuyển di sản của người chết cho người còn sống. Bởi, pháp luật không cấm thì cá nhân lập di chúc hoặc người thừa kế được tự do định ra giới hạn về khoảng thời gian này. Đồng thời sẽ chịu sự chi phối bởi các quy định khác có liên quan như quy định về thời hiệu thừa kế. Tuy nhiên, ở Việt Nam ngoài việc ghi nhận nội dung này như điều khoản triển khai nguyên tắc tôn trọng và bảo đảm thực hiện quyền thừa kế, nó còn hướng tới yếu tố nhân văn của pháp luật khi xây dựng quy phạm giữa những người có mối quan hệ hôn nhân, huyết thống và nuôi dưỡng với nhau. Do đó, quy định hiện hành về hạn chế phân chia di sản tồn tại trong BLDS vẫn rất phù hợp. Tuy nhiên, quy định này còn một vài điểm bất cập cần được sửa đổi, bổ sung một cách đầy đủ và toàn diện hơn. Với những gì đã phân tích ở trên, tác giả xin đưa ra một vài kiến nghị như sau:

Thứ nhất, về khoảng thời gian được phép kéo dài sau khi người để lại di sản chết cho đến thời điểm phân chia di sản. Thay vì bỏ lửng không quy định giới hạn mốc thời gian cụ thể, chúng ta nên đề cập ngay trong quy định này về khoảng thời gian để người lập di chúc cũng như người thừa kế nếu có mong muốn áp dụng vấn đề hạn chế phân chia di sản. Theo đó, khoảng thời gian bị giới hạn sẽ tương thích với loại thời hiệu khởi kiện về thừa kế.

Thứ hai, về chủ thể được quyền yêu cầu Tòa xem xét thực hiện hạn chế phân chia di sản.

Như đã đề cập, ngoài bên vợ hoặc chồng còn sống được quyền yêu cầu Tòa án xem xét thực hiện vấn đề hạn chế phân chia di sản thừa kế, quy định hiện hành không xác định cụ thể

⁶ Nhà pháp luật Việt - Pháp, 1998, *Bộ luật Dân sự của nước Cộng hòa Pháp*, NXB Chính trị quốc gia.

⁷ Lê Hồng Hạnh, 1993, *Bộ luật Dân sự Nhật Bản*, Hà Nội.

⁸ Nhà Xuất bản Chính trị quốc gia phối hợp với Bộ Thương mại, 1995, *Bộ luật Dân sự và Thương mại Thái Lan*, NXB Chính trị quốc gia.

những ai trong phạm vi gia đình được loại quyền năng này nữa. Điều mà chúng ta có thể nhận thấy rõ, quy định nêu trên không:

(i) Đề cập tới bố, mẹ của người chết. Đây thường là chủ thể được bảo vệ bởi họ hay rơi vào hoàn cảnh: Không có điều kiện kinh tế; đã già yếu; sống nương nhờ các con. Việc chia di sản thừa kế có thể gây ảnh hưởng lớn tới cuộc sống của họ. Do đó, pháp luật rất cần đề cập tới chủ thể này khi trao quyền yêu cầu Tòa án gia hạn thời gian phân chia di sản thừa kế. Nếu họ chứng minh được, việc phân chia di sản thừa kế của con mình có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới đời sống của họ.

(ii) Đề cập tới con chưa thành niên hoặc con đã thành niên nhưng mất khả năng lao động của người chết. Giống như chủ thể nêu trên, đây cũng là chủ thể cần thiết được bảo vệ. Họ chưa có hoặc có nhưng mất khả năng lao động nên không có thu nhập để duy trì cuộc sống. Trong trường hợp, họ hoặc người đại diện cho họ chứng minh được việc phân chia di sản có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới cuộc sống, họ cần được quyền yêu cầu Tòa án kéo dài thời gian phân chia di sản thừa kế giống như các chủ thể khác.

(iii) Đề cập tới bên vợ hoặc chồng còn sống yêu cầu kéo dài thời hạn phân chia di sản thừa kế nhưng lại kết hôn với người khác. Việc ghi nhận cho vợ hoặc chồng còn sống có quyền yêu cầu Tòa xác định phần di sản mỗi người thừa kế được hưởng những chưa chia sau một thời gian nhất định nhằm đảm bảo cho họ có thời gian phù hợp để ổn định cuộc sống. Tuy nhiên, thời hạn gia hạn không quá 3 năm cho lần thứ nhất và nếu tiếp tục chứng minh được việc chia di sản vẫn ảnh hưởng nghiêm trọng tới đời sống của gia đình họ có thể kéo dài tiếp 3 năm, điều này có thể bị lạm dụng khi quy định không đề cập tới việc bên vợ hoặc chồng đã đi kết hôn, họ có gia đình riêng⁹. Đây là một nhận định đúng với thực tế hiện nay. Rõ ràng, giả thiết đặt ra hoàn toàn có thể xâm phạm đến quyền chính đáng của những người thừa kế khác. Về nội dung này, BLDS năm 2005 quy định: “... nếu hết thời hạn do Tòa án xác định hoặc bên còn sống đã kết hôn với người khác thì những người thừa kế khác có quyền yêu cầu Tòa án cho chia di sản thừa kế” có lẽ phù hợp hơn.

Với những vấn đề đã nêu ra, tác giả cho rằng, quy định của pháp luật về đoạn luật này cần phải được sửa đổi để đảm bảo sự hài hòa về quyền lợi giữa các chủ thể của quan hệ thừa kế. Theo đó, tác giả kiến nghị thiết kế điều luật về hạn chế phân chia di sản như sau:

Điều ... Hạn chế phân chia di sản

Trường hợp theo ý chí của người lập di chúc hoặc theo thỏa thuận của những người thừa kế được ưu tiên chia di sản, di sản chỉ được phân chia sau một thời hạn nhất định nhưng không quá 10 năm nếu di sản là động sản và 30 năm nếu di sản là bất động sản thì chỉ khi đã hết thời hạn đó di sản mới được đem chia.

Trường hợp thời hạn được định ra vượt quá khoảng thời gian giới hạn nêu trên thì phần vượt quá không có giá trị.

⁹ Đỗ Văn Đại, 2016, *Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật Dân sự năm 2015*, NXB Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, tr.568.

Trường hợp yêu cầu chia di sản thừa kế mà việc chia di sản ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của bên vợ hoặc chồng và các thành viên khác thuộc hàng thừa kế ưu tiên chia còn sống thì bên còn sống có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần di sản mà những người thừa kế được hưởng nhưng chưa cho chia di sản trong một thời hạn nhất định. Thời hạn này không quá 03 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế. Hết thời hạn 03 năm mà bên còn sống chứng minh được việc chia di sản vẫn ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của gia đình họ thì có quyền yêu cầu Tòa án gia hạn một lần nhưng không quá 03 năm.

Trường hợp người yêu cầu là vợ hoặc chồng còn sống đã kết hôn với người khác, thành viên khác thuộc hàng thừa kế ưu tiên chia đã thành niên có khả năng lao động thì những người thừa kế được quyền hưởng di sản khác có quyền yêu cầu Tòa án cho chia di sản thừa kế nếu chứng minh được việc chia di sản ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của họ.

Về nguyên tắc, quyền hưởng thừa kế nói chung và quyền yêu cầu phân chia di sản thừa kế nói riêng được trao một cách bình đẳng cho các chủ thể. Song, xuất phát từ nhiều nguyên do khác nhau mà pháp luật ghi nhận quy định về hạn chế phân chia di sản thừa kế. Quy định này đảm bảo được cả yếu tố đạo đức, tình cảm, văn hóa, truyền thống,... của người Việt Nam khi đứng trước ý nguyện của người để lại di sản, người thừa kế, đặc biệt là những người phụ thuộc lớn vào di sản thừa kế lẫn yếu tố pháp lý khi xác định quyền lợi của những người thừa kế. Mặc dù BLDS năm 2015 đã có những sửa đổi so với BLDS năm 2005 nhưng chưa toàn diện. Một vài ý kiến bình luận và đóng góp của tác giả hy vọng góp phần tạo nên quy định về hạn chế phân chia di sản hoàn thiện hơn./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Văn Đại (2016), *Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật Dân sự năm 2015*, NXB Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam.
2. Lê Hồng Hạnh (1993), *Bộ luật Dân sự Nhật Bản*, Hà Nội.
3. Nhà Pháp luật Việt - Pháp (1998), *Bộ luật Dân sự của nước Cộng hòa Pháp*, NXB Chính trị quốc gia.
4. Nhà Xuất bản Chính trị quốc gia phối hợp với Bộ Thương mại (1995), *Bộ luật Dân sự và Thương mại Thái Lan*, NXB Chính trị quốc gia.
5. Nguyễn Văn Cừ, Trần Thị Huệ (2016), *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự năm 2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, NXB Công an nhân dân.
6. Phạm Văn Tuyết (2003), *Thừa kế theo di chúc theo quy định của Bộ luật Dân sự*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
7. Trần Thị Huệ (2007), *Di sản thừa kế trong pháp luật dân sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.